TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 7 năm 2020
Về việc: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Kim Lên

Bà: Lâm Yến Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc: Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1996 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí N,** sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc L trình bày tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2020:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chí Linh kết hôn năm 2012 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Chí N.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 02 người con chung tên Nguyễn Khánh B, sinh ngày 05/7/2013; Nguyễn Chí K, sinh ngày 09/01/2017, hiện nay anh N đang nuôi dạy, nay chị đồng ý giao 02 con chung cho

anh N nuôi dạy, không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không.

Nợ chung: Không.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Chí N: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các giấy mời về phiên hợp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh N vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Chí N có nơi trú tại xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Linh khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Chí N, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị N Linh là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị N Linh là nguyên đơn, anh N là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L có yêu cầu xét xử vắng mặt và anh Nguyễn Chí N tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ các quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh N hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật, Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và được bảo vệ. Về mâu thuẫn không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L và anh N đã ly thân thời gian dài. Hội đồng xét xử xét thấy việc đặt ra của chị L không muốn chung sống với anh N nữa, Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh N.

[3] *Về con chung:* Chị L và anh N có 02 người con chung Nguyễn Khánh B, sinh ngày 05/7/2013; Nguyễn Chí K, sinh ngày 09/01/2017 hiện nay anh N đang

nuôi dạy. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu B và cháu K sống chung với anh N, hiện đang đi học ổn định nên gần gũi với anh N nhiều hơn chị L và chị L cũng đồng ý giao 02 cháu B và K cho anh N nuôi dạy. Khi ly thân đến nay sống với anh N việc phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Khánh B, sinh ngày 05/7/2013; Nguyễn Chí K, sinh ngày 09/01/2017 cho anh Nguyễn Chí N nuôi dạy đến tuổi trưởng thành. Tại phiên tòa không ghi được ý kiến của anh N việc cấp dưỡng nuôi con không xem xét, chị L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L xác định không có nên không yêu cầu tòa án xem xét, Tòa án không ghi được ý kiến anh N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này các bên có xảy ra tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì kiện thành một vụ kiện khác.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Chí N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh B, sinh ngày 05/7/2013; Nguyễn Chí K, sinh ngày 09/01/2017 cho anh Nguyễn Chí N nuôi dạy đến tuổi trưởng thành. Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 24/4/2020 chị L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003550 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Hưng, huyện TVT.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thanh Thủy